

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ P
TỈNH P**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 58/2024/DS-ST

Ngày 11-9-2024

V/v “*Tranh chấp hợp
đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ P, TỈNH P**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông H T
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Phạm Văn G
Ông Lê Văn Tr

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trương Văn P - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ P, tỉnh P.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ P, tỉnh P tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Anh T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ P xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2024/TLST - DS ngày 03/6/2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2024/QĐXXST-DS ngày 13/8/2024 của TAND huyện Đ P và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐ-HPT ngày 23/8/2024, giữa các đương sự:

- + Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1962 (xin vắng mặt).
Trú tại: Số 872 NTT, Khu phố B G 2, phường S G, thị xã P L, tỉnh P
- + Bị đơn: - Bà Nguyễn Thị Ngọc Y, sinh năm 1979 (vắng mặt).
- Ông Nguyễn Tam Th, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Cùng trú tại: Tổ 2, Ấp Đ C, xã T, huyện Đ P, tỉnh P.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1960(xin vắng mặt).

Trú tại: Số 872 NTT, Khu phố B G 2, phường S G, thị xã P L, tỉnh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** *Tại đơn khởi kiện, quá trình làm việc và tại phiên tòa nguyên đơn Nguyễn Thị Th trình bày:***

Vào ngày 18/4/2024 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th có vay của vợ chồng bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Xuân Đ số tiền 2.730.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 60%/năm bằng miệng chứ không ghi vào giấy vay tiền và hẹn đến ngày 24/4/2024 sẽ trả nợ, khi vay có lập giấy tay nhưng đến hạn bà Y và ông Th không trả nợ cho vợ chồng bà Th, ông Đ gốc và lãi suất nào cả, mặc dù bà Th, ông Đ đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Y và ông Th trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ. Nay bà Th yêu

cầu tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th phải liên đới trả cho bà Th, ông Đ số tiền gốc vay 2.730.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm của số tiền còn nợ tính từ thời điểm xác nhận nợ ngày 18/4/2024 cho đến ngày làm đơn khởi kiện ngày 16/5/2024 là 29 ngày; Cụ thể lãi suất: $(2.730.000.000 \text{ đồng} \times 29 \text{ ngày} \times 20\% / \text{năm} = 43.983.000 \text{ đồng})$. Tổng số tiền cả gốc và lãi là 2.773.983.000 đồng. Ngoài ra bà Y, ông Th còn phải trả lãi cho đến khi trả hết số nợ gốc. Do bận việc nên bà Th xin giải quyết vắng mặt.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Tam Th vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

* Tại bản tự khai ngày 05/8/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ trình bày:

Vào ngày 18/4/2024 vợ chồng bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th có vay của vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền 2.730.000.000 đồng (Hai tỷ bảy trăm ba mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 60%/năm bằng miệng chứ không ghi vào giấy vay tiền và hẹn đến ngày 24/4/2024 sẽ trả nợ, khi vay có lập giấy tay nhưng đến hạn bà Y và ông Th không trả nợ cho vợ chồng ông Đ, bà Th gốc và lãi suất nào cả, mặc dù tôi và bà Th đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà Y và ông Th trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa trả nợ. Nay ông Đ yêu cầu tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th phải liên đới trả cho vợ chồng ông Đ, bà Th số tiền gốc vay 2.730.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm của số tiền còn nợ tính từ thời điểm xác nhận nợ ngày 18/4/2024 cho đến ngày bà Th làm đơn khởi kiện. Ngoài ra bà Y, ông Th còn phải trả lãi cho đến khi trả hết số nợ gốc. Do bận việc nên ông Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt.

** Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:*

+ Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu tuân theo pháp luật tố tụng của của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của đương sự.

+ Về nội dung vụ án: Do nguyên đơn khởi kiện có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th, buộc bị đơn bà Th, ông Th phải trả số tiền gốc vay đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024. Đối với lãi suất đề nghị chấp nhận 10%/năm của lãi suất, còn lại 10% không chấp nhận do không ghi cụ thể trong giấy vay tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ được thẩm tra tại phiên tòa, qua phần hỏi và tranh luận, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th thực hiện quyền khởi kiện. Do bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Tam Th hiện trú tại: Tổ 2, Ấp Đ C, xã T, huyện Đ P, tỉnh P. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ P, tỉnh P.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn cố tình vắng mặt, do đó căn cứ Điều 227, 228 Bộ

luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

[2] Về yêu cầu của đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th phải liên đới trả số tiền gốc vay 2.730.000.000 đồng và lãi suất 20%/năm của số tiền còn nợ tính từ thời điểm xác nhận nợ ngày 18/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2024. Ngoài ra, bà Y, ông Th còn phải trả lãi cho đến khi trả hết số nợ gốc.

Quá trình thu thập chứng cứ cũng như các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3] Vào ngày 18/4/2024 bà Nguyễn Thị Ngọc Y, ông Nguyễn Tam Th có lập giấy vay của bà Nguyễn Thị Th, ông Nguyễn Xuân Đ số tiền 2.730.000.000 đồng. Bà Th đã nhiều lần yêu cầu bà Y, ông Th trả tiền nợ nhưng bà Y, ông Th vẫn không trả và cố tình trốn tránh không trả nợ. Đến nay bà Y, ông Th còn nợ lại số tiền 2.730.000.000 đồng đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu tính lãi suất 20%/năm của số tiền còn nợ theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự, xét thấy trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất cụ thể mà nguyên đơn chỉ trình bày bằng lời nói vay lãi suất 60%/năm nên không có căn cứ xác định lãi suất hai bên có thỏa thuận hay không, do đó yêu cầu tính lãi suất 20%/năm là không phù hợp mà chỉ xem xét chấp nhận lãi suất 10%/năm là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Bà Th yêu cầu tính lãi suất từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 11/9/2024 là 117 ngày; Cụ thể lãi suất: $2.730.000.000 \text{ đồng} \times 117 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 111.475.000 \text{ đồng}$.

Đối với lãi suất yêu cầu vượt quá 10%/năm còn lại là không có căn cứ nên không chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

[8] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu buộc đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th có nghĩa vụ cùng trả số tiền gốc vay là 2.730.000.000 đồng và chấp nhận lãi suất 10%/năm của số tiền vay từ ngày 18/4/2024 cho đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 11/9/2024; Cụ thể lãi suất: $2.730.000.000 \text{ đồng} \times 117 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 111.475.000 \text{ đồng}$.

Đối với yêu cầu lãi suất 10%/năm còn lại không được chấp nhận do không có căn cứ.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Th được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Y, ông Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định.

Nguyên đơn bà Th phải chịu án phí đối với phần yêu cầu lãi suất không được chấp nhận.

Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 227, 228, 235 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 116, 117, 274, 275, 385, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Th và ông Nguyễn Xuân Đ tiền gốc vay là 2.730.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm của số tiền vay tính từ thời điểm ngày 18/4/2024 cho đến xét xử sơ thẩm 11/9/2024 là 111.475.000 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi suất tính đến ngày 11/9/2024 là 2.885.458.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất 10%/năm còn lại của số tiền vay 2.730.000.000 đồng tính đến ngày xét xử sơ thẩm 11/9/2024 là 111.475.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án chậm thi hành án thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Nguyễn Tam Th phải chịu án phí có giá ngạch: 89.709.160 đồng.

2.2. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Th không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận.

Nguyên đơn bà Th phải chịu án phí đối với phần lãi suất không được chấp nhận 10%/năm là $111.475.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.573.750 \text{ đồng}$. Tuy nhiên, do bà Th là người cao tuổi, do đó căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Th được miễn án phí.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND , VKSND tỉnh P;
- CC THADS H. Đ P;
- VKSND Đ P;
- Dương sự;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

H T